

Đắk Nông, ngày tháng năm 2019

**BẢNG PHÂN BỐ**

**Thực hiện các chỉ tiêu trọng tâm công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi  
nhiệm kỳ 2017 - 2022 đối với các huyện, thị đoàn, đoàn trực thuộc (sửa đổi)**

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu 1: 100% cán bộ, đoàn viên và 80% thanh niên được học tập, quán triệt, tuyên truyền về các nghị quyết của Đảng, của Đoàn		Chỉ tiêu 2: 100% Đoàn xã, phường, thị trấn xây dựng được ít nhất 01 mô hình, giải pháp tư vấn giúp đỡ, hỗ trợ thanh thiếu niên yếu thế		Chỉ tiêu 3: Đoàn viên, thanh niên đề xuất 13.714 ý tưởng, sáng kiến		Chỉ tiêu 4: Trồng mới 430.000 cây xanh		Chỉ tiêu 5: Hỗ trợ vay vốn 3 tỷ đồng cho thanh niên làm kinh tế				
		Tỷ lệ cán bộ, đoàn viên được học tập, quán triệt	Tỷ lệ thanh niên được tuyên truyền	Số mô hình, giải pháp hàng năm	Tổng số mô hình, giải pháp nhiệm kỳ	Trung bình hàng năm	Nhiệm kỳ	Trung bình hàng năm	Nhiệm kỳ	Yêu cầu dư nợ ủy thác tối thiểu đạt được cuối 2018 (trđ)	Yêu cầu dư nợ ủy thác tối thiểu đạt được cuối 2019 (trđ)	Yêu cầu dư nợ ủy thác tối thiểu đạt được cuối 2020 (trđ)	Yêu cầu dư nợ ủy thác tối thiểu đạt được cuối 2021 (trđ)	Yêu cầu dư nợ ủy thác tối thiểu đạt được cuối 2022 (trđ)
1	Gia Nghĩa	100	80	1	5	166	830	5.207	26.033	34.478	38.308	39.346	40.659	48.248
2	Đắk G'Long	100	80	1	5	209	1.042	6.535	32.674	68.530	70.082	79.894	90.052	97.557
3	Đắk R'Lấp	100	80	1	5	289	1.443	9.047	45.233	61.645	71.562	77.339	83.596	88.832
4	Tuy Đức	100	80	1	5	213	1.065	6.680	33.399	68.517	72.147	76.544	82.294	86.899
5	Đắk Song	100	80	1	5	305	1.526	9.571	47.857	65.221	70.423	76.006	83.097	86.695
6	Đắk Mil	100	80	2	10	495	2.476	15.524	77.620	69.784	70.222	76.277	83.156	90.857
7	Cư Jút	100	80	2	10	367	1.834	11.504	57.518	78.388	88.641	93.351	96.671	102.601
8	Krông Nô	100	80	2	10	363	1.812	11.364	56.821	67.438	73.615	80.244	87.475	97.310
9	Đoàn khối CCQ tỉnh & Doanh nghiệp tỉnh	100	80	1	5	195	974	6.106	30.529	-	-	-	-	-
10	Quân sự tỉnh	100	80	1	5	39	193	1.208	6.040	-	-	-	-	-
11	Công an tỉnh	100	80	1	5	79	394	2.471	12.354	-	-	-	-	-
12	Biên phòng tỉnh	100	80	1	5	42	212	1.331	6.655	-	-	-	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>15</b>	<b>75</b>	<b>2.762</b>	<b>13.801</b>	<b>86.547</b>	<b>432.733</b>	<b>514.000</b>	<b>555.000</b>	<b>599.000</b>	<b>647.000</b>	<b>699.000</b>



STT	Đơn vị	Chỉ tiêu 6: Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo của thanh niên						Chỉ tiêu 7: Tư vấn hướng nghiệp cho 76.842 lượt thanh thiếu niên; giới thiệu việc làm cho 8,817 thanh niên; thành lập 16 tổ hợp tác, hợp tác xã thanh niên				Chỉ tiêu 8: Xây dựng mới tại mỗi xã, phường, thị trấn ít nhất 01 điểm sinh hoạt, vui chơi cho TTN, hoạt động phòng chống đuối nước		
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Nhiệm kỳ	Tư vấn hướng nghiệp		Giới thiệu việc làm		Thành lập tổ hợp tác, HTX thanh niên trong nhiệm kỳ	Trung bình hằng năm	Nhiệm kỳ
								Trung bình hằng năm	Nhiệm kỳ	Trung bình hằng năm	Nhiệm kỳ			
1	Gia Nghĩa	1	0	0	0	1	2	930	4.652	107	534	2	2	10
2	Đắk G'Long	1	0	0	0	0	1	1.168	5.839	134	670	2	2	10
3	Đắk R'Lấp	0	1	0	0	0	1	1.617	8.083	185	927	2	2	10
4	Tuy Đức	1	0	0	1	0	2	1.194	5.968	137	685	2	2	10
5	Đắk Song	0	1	0	0	1	2	1.710	8.552	196	981	2	2	10
6	Đắk Mil	0	1	0	1	0	2	2.774	13.871	318	1.592	2	2	10
7	Cư Jút	1	0	1	0	0	2	2.056	10.278	236	1.179	2	2	10
8	Krông Nô	0	1	0	1	0	2	2.031	10.154	233	1.165	2	2	10
9	Đoàn khối CCQ tỉnh & Doanh nghiệp tỉnh	0	0	1	0	0	1	1.091	5.455	150	626	-	-	-
10	Quân sự tỉnh	0	0	0	1	0	1	216	1.079	25	124	-	-	-
11	Công an tỉnh	0	0	0	0	1	1	442	2.208	51	253	-	-	-
12	Biên phòng tỉnh	0	0	1	0	0	1	238	1.189	27	136	-	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>18</b>	<b>15.466</b>	<b>77.328</b>	<b>1.799</b>	<b>8.873</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>80</b>



STT	Đơn vị	Chỉ tiêu 9: Hỗ trợ, giúp đỡ 37,775 thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn				Chỉ tiêu 10: Kết nạp 30,000 đoàn viên, tỷ lệ đoàn kết tập hợp thanh niên đạt ít nhất 60%, Phát triển được ít nhất 05 tổ chức Đoàn, Hội trong doanh nghiệp ngoài nhà nước.										Chỉ tiêu 11: Giới thiệu 11,910 đoàn viên ưu tú cho Đảng, trong đó phần đầu ít nhất 5,000 đảng viên mới được kết nạp từ đoàn viên ưu tú		
		Số thiếu nhi được các liên đội hỗ trợ/năm	Số thiếu nhi được tổ chức Đoàn, Đội cấp huyện hỗ trợ/năm	Tổng số thiếu nhi được hỗ trợ/năm	Tổng số thiếu nhi được hỗ trợ/nhiệm kỳ	Kết nạp đoàn viên mới		Tỷ lệ đoàn kết tập hợp thanh niên					Phát triển tổ chức Đoàn, Hội trong DN ngoài NN		Đoàn viên ưu tú giới thiệu		Đoàn viên ưu tú được kết nạp Đảng	
						Trung bình hằng năm	Nhiệm kỳ	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Trung bình năm	Nhiệm kỳ	Trung bình hằng năm	Nhiệm kỳ	Trung bình hằng năm	
1	Gia Nghĩa	159	28	176	878	386	1.929	55	57	58	59	60	-	-	144	721	61	
2	Đắk G'Long	199	35	220	1.102	484	2.421	55	57	58	59	60	-	-	181	905	76	
3	Đắk R'Lấp	276	48	305	1.525	670	3.351	55	57	58	59	60	-	-	251	1.253	105	
4	Tuy Đức	204	35	225	1.126	495	2.474	55	57	58	59	60	-	-	185	925	78	
5	Đắk Song	292	51	323	1.614	709	3.545	55	57	58	59	60	-	-	265	1.326	111	
6	Đắk Mil	473	82	523	2.617	1.150	5.750	55	57	58	59	60	-	-	430	2.150	181	
7	Cư Jút	351	61	388	1.940	852	4.261	55	57	58	59	60	-	-	319	1.593	134	
8	Krông Nô	347	60	383	1.916	842	4.209	55	57	58	59	60	-	-	315	1.574	132	
9	Đoàn khối CCQ tỉnh & Doanh nghiệp tỉnh	-	-	206	1.029	452	2.262	55	57	58	59	60	1	5	169	846	71	
10	Quân sự tỉnh	-	-	41	204	0,00	-	55	57	58	59	60	-	-	33	167	14	
11	Công an tỉnh	-	-	83	417	0,00	-	55	57	58	59	60	-	-	68	342	29	
12	Biên phòng tỉnh	-	-	45	224	0,00	-	55	57	58	59	60	-	-	37	184	15	
	<b>Tổng</b>	<b>2.300</b>	<b>400</b>	<b>2.918</b>	<b>14.592</b>	<b>6.040</b>	<b>30.202</b>	<b>55</b>	<b>57</b>	<b>58</b>	<b>59</b>	<b>60</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>2.397</b>	<b>11.986</b>	<b>1.006</b>	